

MẤY VẤN ĐỀ VỀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA PHỤ NỮ HÔNG (TỪ THỰC TIỄN Ở MỘC CHÂU, SON LA VÀ QUẢN BA, HÀ GIANG)

LÊ NGỌC THẮNG

Nước ta là quốc gia đa thành phần tộc người. Vấn đề dân tộc và miền núi, vấn đề phụ nữ trong phát triển là những vấn đề bức xúc đã và đang đặt ra cho các cấp các ngành từ Trung ương đến địa phương trên nhiều lĩnh vực trong đó có lĩnh vực quản lý Nhà nước. Có thể nói một trong những vấn đề cốt lõi quyết định mọi thành bại của của sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước nói chung, khu vực dân tộc và miền núi nói riêng là *con người*. Con người theo quan điểm đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta là *mục tiêu, động lực của sự phát triển*. Vì vậy khi nói đến con người khu vực dân tộc và miền núi nước ta không thể không kể đến hơn một một nửa dân số có vai trò, vị trí đặc biệt tác động mang tính đặc thù đến sự phát triển và phát triển bền vững ở khu vực này đó là *phụ nữ dân tộc và miền núi*.

Trong chiến lược phát triển đất nước hiện nay, phụ nữ ngày càng có vai trò quan trọng cùng nam giới đảm đương nhiều trọng trách trên nhiều lĩnh vực chính trị, xã hội, kinh tế, văn hoá, đối ngoại... Phụ nữ dân tộc và miền núi nước ta là một thành viên của chủ thể chính trị, xã hội, kinh tế, văn hoá... của đất nước; là chủ nhân tác động trực tiếp đến sự phát triển ngay chính trên quê hương mà họ đang sinh sống, làm ăn. Do vậy cần có vấn đề quản lý nhà nước, chính sách nhà nước đối với sự phát triển khu vực dân tộc và miền núi mang tính đặc thù riêng cho đối tượng phụ nữ - một phần hai lao động, một phần hai dân cư với những tính chất, vị trí riêng là một giải pháp phát triển mang tính bền vững. Hay nói một cách khác việc có một giải pháp quản lý, chính sách cho sự phát triển của phụ nữ dân tộc miền núi nói chung là một nhu cầu tất yếu, khách quan. Vì rằng: trong giai đoạn phát triển đất nước theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá hiện nay ở miền núi không thể không tính đến đối tượng phụ nữ dân tộc, một thành phần xã hội, một lực lượng lao động, một lực lượng chính trị... có ý nghĩa liên quan đến sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội ở khu vực này. Thứ đến vấn đề *phụ nữ, bình đẳng và phát triển* hiện nay không còn là vấn đề đơn lẻ của các quốc gia mà mang tính toàn cầu. Ngày 18 tháng 3 năm 1979, Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc đã phê chuẩn *Công ước về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ* (CEDAW). Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên hưởng ứng Công ước quan trọng này. Ngày 29 tháng 7 năm 1980 Chính phủ ta đã ký tham gia Công ước và Quốc hội phê chuẩn ngày 19 tháng 3 năm 1982. Đó là một trong những biểu hiện sinh động quan điểm của tư tưởng Hồ Chí Minh, của Đảng và Nhà nước ta đối với phụ nữ: *Phụ nữ là một lực lượng cách mạng; Nam nữ bình quyền; Giải phóng phụ nữ gắn liền với giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp; Phụ nữ bình đẳng với nam giới về mọi phương diện...* Đặc biệt trong thời kỳ đổi mới từ Đại hội VI (1986) đến nay, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều văn bản quan trọng thể hiện sự quan tâm, quan điểm chính trị nhân văn sâu sắc và cụ thể đối với sự phát triển của phụ nữ. Các Nghị quyết 22, ngày 27/10/1989 của Bộ Chính trị; Quyết định 163, ngày 20/10/1988 và Quyết định 72 ngày 13/3/1990 của Hội đồng Bộ trưởng; Nghị quyết 04/NQ/TƯ ngày 12/7/1993 của Trung ương Đảng... thể hiện tập trung quan điểm tư tưởng tập trung thống nhất từ trước đến nay và tạo cơ sở, hành lang pháp lý để phụ nữ nói chung và phụ nữ khu vực dân tộc miền núi nói riêng trong đó có phụ nữ Hông thực hiện các mục tiêu *bình đẳng và phát triển*.

Hông là một thành phần tộc người ở nước ta, thuộc nhóm ngôn ngữ Hông-Dao, cư trú tại các địa bàn vùng cao miền núi phía bắc như: Sơn La, Lai Châu, Hà Giang, Lào Cai, Hoà Bình, Thanh Hoá, Nghệ An... Phụ nữ Hông trong lịch sử cũng như hiện tại là một thành phần quan trọng trong

đời sống xã hội, văn hoá tộc người. Nếu vấn đề phụ nữ Dân tộc và Miền núi có đặc điểm riêng trong chính sách phát triển so với phụ nữ cả nước thì phụ nữ Hmông lại có đặc thù riêng cần được quan tâm trong khu vực miền núi và dân tộc. So với phụ nữ các tộc người khác thì phụ nữ Hmông là một trong số những nhóm phụ nữ còn gặp nhiều khó khăn nhất trong đời sống kinh tế - xã hội cũng như còn nhiều hạn chế trước nhu cầu phát triển chung của đất nước và chính bản thân họ.

I. Một số nét cơ bản tình hình phụ nữ Hmông:

Trong bài này tình hình phụ nữ Hmông được đề cập trên hai phương diện cơ bản là *kinh tế* và *một số vấn đề xã hội* từ thực tế xã Lóng Luông huyện Mộc Châu tỉnh Sơn La và xã Cán Tỷ huyện Quán Ba tỉnh Hà Giang.

Về kinh tế: Vấn đề kinh tế đối với phụ nữ các tộc người thiểu số trong cơ chế thị trường là một vấn đề đã và đang đặt ra nhiều *thời cơ* và *thách thức* không nhỏ. Nếu phụ nữ đồng bằng và đô thị chịu sức ép của của nền kinh tế hàng hoá, của quy luật cơ chế kinh tế thị trường một thì phụ nữ các tộc người thiểu số nói chung và phụ nữ Hmông nói riêng phải gặp nhiều lần. Bối cảnh phát triển mới của đất nước, tình hình vận hành chuyển đổi kinh tế ở địa phương đang từng ngày, từng giờ tác động vào nếp suy nghĩ, lối sống, nếp làm ăn... của gia đình và cộng đồng, của từng phụ nữ Hmông với tư cách là người vợ, người mẹ, là thành viên kinh tế quan trọng của gia đình. Thời cơ thì không ai phủ nhận nhưng thách thức là vấn đề đã và đang đặt ra trực tiếp đối với các gia đình Hmông với phụ nữ Hmông trong phát triển.

Phụ nữ Hmông xã Lóng Luông huyện Mộc Châu tỉnh Sơn La là một bộ phận trong cộng đồng các tộc người ở địa phương. Nếu so với nhiều nhóm Hmông khác thì đây là địa bàn tương đối thuận lợi trong cư trú và sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên không phải vì thế mà mà đời sống của phụ nữ và gia đình họ ở đây đã được ổn định, đã hết đói nghèo. Kết quả điều tra của chúng tôi năm 1998 cho thấy hoạt động kinh tế của cộng đồng và phụ nữ Hmông ở đây chủ yếu là làm nương, rẫy, chăn nuôi, dệt vải... Cây trồng chủ yếu là ngô, lúa nương và mận... Vật nuôi chủ yếu là lợn, gia cầm... Kỹ thuật trồng trọt chăn nuôi đều theo kinh nghiệm cổ truyền, không được đào tạo, huấn luyện khoa học kỹ thuật..., nên năng suất lao động thấp. Đa số các hộ gia đình tuy lao động nặng nhọc song vẫn vất vả, thiếu đói. Một số hộ gia đình có mận bán song thu hoạch không đáng kể. Biểu dưới đây cho ta phần nào hình dung được hoạt động kinh tế và hiệu quả trong đời sống của phụ nữ Hmông xã Lóng Luông, Mộc Châu, Sơn La:

Biểu 1- Thực trạng tình hình kinh tế của phụ nữ Hmông xã Lóng Luông:

Số hộ điều tra	Số Khẩu	Lĩnh vực hoạt động Kinh tế	Mức sống		Khó khăn kinh tế	Kiến nghị của phụ nữ Hmông
			Đủ ăn	Thiếu ăn		
50	374	<ul style="list-style-type: none"> - Làm nương rẫy - Chăn nuôi - Làm vườn - Dệt vải - Nội trợ... 	10%	90% từ 2 đến 7 tháng	<ul style="list-style-type: none"> -Thiếu vốn -Thiếu phân bón -Thiếu giống -Thiếu tri thức KHKT... 	<ul style="list-style-type: none"> -Được vay vốn -Có điện -Được đào tạo -Được cấp giống -Được tham quan học tập -Mong nhà nước đến thăm để đầu tư, hỗ trợ.

Biểu trên đây cho thấy thực trạng hoạt động kinh tế của phụ nữ Hmông còn rất thấp chưa thoát ra khỏi khung cảnh của nền kinh tế tự cấp tự túc trong khi nhịp độ phát triển kinh tế của phụ nữ đồng bằng, đô thị đang từng ngày từng giờ ở tốc độ cao.

Tình hình hoạt động kinh tế của nhóm phụ nữ Hmông huyện Quán Bạ tỉnh Hà Giang có những nét riêng. Như chúng ta biết, Hà Giang là một tỉnh miền núi vùng cao cực bắc của Tổ quốc. Đây cũng là một tỉnh mới tách ra từ tỉnh Hà Tuyên cũ từ tháng 10 năm 1991 nên cơ sở vật chất cũng như hạ tầng kinh tế còn gặp nhiều khó khăn. Với 53 vạn dân của hơn 20 tộc người trình độ dân trí còn thấp nên nhịp độ hoạt động và phát triển kinh tế chậm, mức sống thấp. Tộc Hmông là tộc chiếm đa số trong tỉnh. Theo số liệu thống kê của Cục thống kê tỉnh Hà Giang tính đến ngày 31/12/1997 thì người Hmông có 181.856 người (trong khi đó Tày: 152.758 người; Dao: 89.926 người; Nùng 57.604 người; Giáy 12.626 người; La Chí: 9.319 người; Pà Thẻn: 4.377 người; Lô Lô: 1.199 người; Bố Y: 527 người; Pu Peó: 558 người; Sán Chay: 105 người...). Phụ nữ chiếm tỷ lệ hơn 50 % dân số. Người Hmông ở Hà Giang sinh sống chủ yếu ở các huyện Mèo Vạc, Đông Văn, Yên Minh, Quán Bạ, Hoàng Su Phì, Xín Mần và rải rác một số huyện khác Nhóm Hmông trắng sống tập trung ở Mèo Vạc, Đông Văn, Yên Minh, Quán Bạ. Nhóm Hmông Hoa sống tập trung ở Xín Mần, Hoàng Su Phì và rải rác một vài nơi khác... Nguồn sống chính của người Hmông Quán Bạ là dựa vào canh tác nương rẫy, nương định canh và nương du canh. Phụ nữ Hmông ở đây tham gia đầy đủ các quy trình sản xuất theo tập quán lâu đời ở địa phương như: phát dốt nương, tủa hạt, làm cỏ, chăm sóc, thu hoạch, chế biến, chăn nuôi... Trên nhiều khu vực núi với người Hmông đã sử dụng phương thức canh tác "thổ canh hốc đá" để trồng ngô. Ngô là cây lương thực chính, bên cạnh đó có các cây lương thực như lúa, mạch ba góc, đậu khoai, vừng, lanh-nguyên liệu dệt đặc trưng của cộng đồng và gắn với lao động cần mẫn của người phụ nữ...Điểm đáng quý của phụ nữ Hmông ở Quán Bạ là 100% còn biết dệt vải, cắt may trang phục cho bản thân và gia đình - điều mà hiện nay không phải địa phương nào còn giữ được. Phụ nữ từ 12 tuổi trở lên đều phải biết xe lanh, dệt vải, nhuộm vải, thêu, trang trí từ đơn giản đến phức tạp. Đó là một yêu cầu cơ bản và tối thiểu đối với phụ nữ Hmông trong nếp sống kinh tế, văn hoá của cộng đồng trước đây cũng như hiện nay. Trung bình mỗi năm, một chị dệt được 10-15 mét vải (tương đương từ 30.000 – 45.000 đồng). Tuy nhiên xu thế chung hiện nay, phụ nữ ở đây tỷ lệ dùng vải tự dệt ngày một giảm đi nhiều vì mất thời gian dệt và ít được ưa thích so với nhiều loại vải công nghiệp đa dạng khác. Có khoảng 65% phụ nữ dùng vải tự dệt, 35% phụ nữ dùng vải công nghiệp kết hợp với vải thủ công tự dệt. Kinh tế hàng hoá chưa xâm nhập sâu sắc vào địa phương và nếp nghĩ của cộng đồng nói chung và phụ nữ Hmông nói riêng. Không có ai ngồi bán hàng chuyên nghiệp mà thỉnh thoảng chỉ bán một vài mặt hàng nông sản ở chợ để có dịp giao tiếp gặp gỡ nhau và mua một vài vật dụng thiết yếu khác cho sinh hoạt gia đình như muối, chỉ thêu...Số phụ nữ Hmông trong xã Cán Tỷ trừ chị Mùa Thị Hồng được học về y sĩ còn lại là nông dân không được huấn luyện, đào tạo gì về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi hay loại ngành nghề gì khác. Độ tuổi tham gia lao động của phụ nữ từ 12 đến 70 tuổi. Mức sống của phụ nữ và gia đình họ ở đây còn rất khó khăn, có tới 80% số hộ thiếu ăn từ 4 đến 5 tháng. Đây là xã chỉ có đồng bào Hmông sinh sống với dân số là 2.650 người, với 354 hộ.

Bên cạnh công việc nặng nhọc của một người phụ nữ nông dân thực sự, công việc nội trợ đã làm cho người phụ nữ Hmông ở Cán Tỷ tăng cường độ lao động lên gấp nhiều lần. Việc chăm sóc con cái, nấu ăn, lấy củi, lấy nước, hái rau, làm gạo, làm ngô, nấu rượu, chăm sóc bố mẹ già, người thân...đã

làm cho số giờ lao động trong ngày của phụ nữ tăng lên gấp nhiều lần so với nam giới, song công việc “không tên” đó còn ít được cộng đồng quan tâm, ghi nhận, đánh giá.

Trong quá trình sản xuất, phụ nữ Hmông ở Cán Tỷ, Quản Ba, Hà Giang còn gặp khó khăn cơ bản là *thiếu vốn*. Thực chất, có thể thấy phụ nữ ở đây còn lúng túng trong việc sử dụng đồng vốn sao cho có hiệu quả. Tuy cảm thấy cần tiền để đầu tư cho sản xuất, mua cây giống, con giống song chưa biết sản xuất thế nào để có thể trả được vốn và lãi. Nếu có vốn họ đầu tư vào trồng ngô, chăn nuôi là chính. Chị em mong muốn vay vốn không phải trả lãi. Khoảng 60% số hộ và gia đình phụ nữ tuy không thiếu sức lao động nhưng công việc làm ăn lại đơn điệu, ít nghề phụ hay một hoạt động kinh tế gì khác để có thu nhập cao. Công cụ sản xuất giản đơn, thiếu sức kéo (trâu, bò), thiếu thức ăn để chăn nuôi gia súc gia cầm, thiếu đất tốt để sản xuất...Biểu dưới đây cho ta thêm cái nhìn khái quát tình hình hoạt động kinh tế của phụ nữ ở đây:

Biểu 2- Vài nét về hoạt động kinh tế của phụ nữ Hmông xã Cán Tỷ, huyện Quản Ba, tỉnh Hà Giang:

Số hộ	Số khẩu	Hoạt động kinh tế	Tỷ lệ đào tạo nghệ	Mức sống		Khó khăn	Kiến nghị
				Đủ ăn	Thiếu đói		
250	1.750	-Làm nương -Chăn nuôi -Dệt vải	0,01%	5%	95%	-Thiếu kiến thức -Thiếu vốn -Thiếu đất	-Vay vốn, không lãi -Hướng dân sử dụng vốn -Hướng dân kiến thức trồng trọt, chăn nuôi

Trên phạm vi toàn tỉnh, Hội Phụ nữ tỉnh Hà Giang luôn coi trọng, tạo điều kiện cho phụ nữ ngày một phát triển kinh tế để tăng thu nhập cho gia đình và bản thân. Các hoạt động của tỉnh Hội phụ nữ đã có tác động đến hoạt động kinh tế của phụ nữ Hmông trong tỉnh nói chung và xã Cán Tỷ nói riêng. Thực hiện mục tiêu xoá đói giảm nghèo và từng bước nâng cao mức sống gia đình, từ 1992 đến nay Hội Phụ nữ tỉnh đã tín chấp các nguồn vốn của tỉnh, vốn xoá đói giảm nghèo không tính lãi, vốn 120 tạo việc làm của Trung ương và một số các tổ chức quốc tế như SIDA, UNICEF... để cho phụ nữ vay vốn đầu tư cho sản xuất, làm ăn. Mô hình này được thực hiện theo các nhóm phụ nữ, theo địa bàn dân cư (thôn, xóm) với trên 3 tỷ đồng cho 12.000 phụ nữ ở 74 xã. Vấn đề vay vốn là phương thức hoạt động kinh tế-xã hội đã đưa đến cho phụ nữ các tộc thiểu số nói chung và cộng đồng Hmông nói riêng không chỉ điều kiện sản xuất mà từng bước tác động vào tư duy kinh tế còn thô sơ của chị em vùng cao, làm cho họ “động não” trong tính toán đầu tư, làm sao để có hiệu quả kinh tế cao, mang lại lợi ích thiết thực cho gia đình, bản thân và cộng đồng.

Về một số vấn đề xã hội:

Xã hội cổ truyền của cộng đồng Hmông bị chi phối bởi các quan hệ thôn xã, dòng họ, gia đình và các tập tục hôn nhân... Đến nay các tập tục đó vẫn là những quan niệm của xã hội cũ chưa hoàn toàn bị mất đi theo những nhu cầu của cuộc sống mới và có những tác động không nhỏ đến vị thế của

người phụ nữ trong cuộc sống gia đình và cộng đồng. Có thể nhận thấy, tập quán trong hôn nhân và gia đình là một trong những biểu hiện văn hoá truyền thống chi phối nặng nề đến cuộc sống của người phụ nữ Hmông hôm qua và hôm nay. Với tính chất thiết chế gia đình là gia đình nhỏ, phụ nữ người con gái khi về nhà chồng phải qua một lễ gọi là “nhập môn” và được coi thuộc hẳn nhà chồng. Thân phận làm dâu đối với người phụ nữ Hmông rất vất vả và bị lệ thuộc vào những quan niệm thuộc quyền của nhà chồng như: muốn về thăm bố mẹ để phải được nhà chồng đồng ý và phải có chồng cùng đi. Trước đây trong gia đình phụ nữ làm lụng rất vất vả song ít được khen mà luôn bị chê bai. Tính chất hôn nhân xưa mang tính mua bán “tiền dâu” nên đã làm cho nhiều phụ nữ phải gánh chịu hậu quả nặng nề khi chồng mất hoặc khi phải chia tay nhau. Trong gia đình mang nặng tư tưởng trọng nam khinh nữ, con trai được quý trọng vì biết đi cày, khẩn thổ tiên, đón thầy cúng, thay mặt gia đình trong các công việc của làng xóm..., những công việc mà theo phong tục phụ nữ không làm được. Có nhiều con trai là điều mong ước của mọi gia đình. Con trai được kế thừa tài sản. Con gái có tâm lý cho mình là khách, khi làm dâu phải kiêng cử nhiều thứ theo tập tục. Trong sinh hoạt gia đình cũng như ông cậu, bà cô có vai trò quan trọng như chỉ bảo cháu các tập tục cúng bái, ma chay, hôn nhân, cưới xin hay dựng vợ gả chồng cho con cái của họ... Có tập quán phụ nữ thường lấy chồng sớm, đẻ con sớm.

Trong đời sống cộng đồng, phụ nữ ít được tiếp xúc với bên ngoài vì quan niệm “công tác xã hội” chỉ dành cho nam giới, phụ nữ không được tham gia. Mặt khác như trên đã nêu, gánh nặng gia đình với các tập tục quy định khá khắt khe và nặng nề đối với thân phận làm dâu, làm mẹ cũng như ngay từ thời con gái trong gia đình...So với nhiều tộc người khác, có thể thấy các tập quán cổ truyền liên quan đến phụ nữ của cộng đồng Hmông khá nặng nề và chặt chẽ. Cho đến nay không phải tư tưởng trên đã hoàn toàn được gạt bỏ mà còn là “lực cản” vô hình hoặc hữu hình đối với nhịp độ phát triển của phụ nữ Hmông trước yêu cầu phát triển đất nước hiện nay. Tại các địa điểm điều tra tình hình phụ nữ Hmông ở Lóng Luông (Sơn La) và Cán Tỷ (Hà Giang) cho chúng ta thấy về mặt xã hội hiện nay có những tình hình như sau:

Nhóm phụ nữ Hmông ở Lóng Luông là một trong tám tộc người trong huyện. Tuy ở vùng cao, song Lóng Luông là thung lũng nhỏ hẹp có thuận lợi gần đường quốc lộ số 6 nên có thể nói trong những năm qua có điều kiện thuận lợi trong việc giao lưu văn hoá, tiếp thu thông tin theo các chương trình của Hội Phụ nữ tỉnh, huyện cũng như các ban ngành trong địa phương. Điểm tiến bộ so với phụ nữ Hmông nhiều địa phương khác là tuổi kết hôn chủ yếu từ 19 đến 22 tuổi. Tuy nhiên, hiện tượng đông con vẫn còn, số con nhiều nhất của phụ nữ Hmông ở đây là 6, ít là 2. Tỷ lệ sinh con tại nhà vẫn là phổ biến, chiếm 85%. Tình hình sức khoẻ theo tự đánh giá của chị em cơ bản là loại trung bình chiếm tỷ lệ 70%, loại tốt 12%, loại yếu 18%. Căn bệnh phổ biến là phụ khoa, sốt rét. Phụ nữ Lóng Luông nổi lên chân dung một phụ nữ trẻ, một cán bộ phụ nữ, một giáo viên cảm bản, một người mẹ đảm đang đó là chị Giàng Khánh Ly. Chị Ly đã nêu một tấm gương cho phụ nữ Hmông nói chung và đặc biệt là nữ thanh niên, thiếu niên ở đây về sự phấn đấu vươn lên trong học tập, công tác để xây dựng quê hương, phát triển bản thân. Tuy nhiên nhìn chung phụ nữ Hmông ở Lóng Luông tỷ lệ mù chữ còn chiếm tới 66%, số chị em biết tiếng phổ thông là 84% cao hơn nhiều vùng Thái và Hmông khác trong tỉnh Sơn La, Lai Châu. Số biết múa hát các làn điệu dân ca là 82%. Số phụ nữ biết dệt vải là 90%. Nếu so sánh với phụ nữ Thái ở bản Bó trên địa bàn Sơn La, chúng ta thấy tỷ lệ phụ nữ Hmông

ở Lóng Luông mù chữ cao hơn 56 %, số biết tiếng phổ thông ít hơn 16%, di học PTCS ít hơn 32%, nhưng tỷ lệ biết múa hát các làn điệu của tộc người cao hơn 4%, biết dệt thêu cao hơn 26%.

Nhóm phụ nữ Hmông ở Hà Giang trong một số năm vừa qua đã có những biến chuyển nhất định trong các hoạt động xã hội, đặc biệt là thông qua các chương trình hoạt động của Hội phụ nữ. Với dân số đông nhất tỉnh, cộng đồng Hmông được các cấp chính quyền đoàn thể quan tâm, từng bước tạo nên những biến chuyển trong nhận thức và hoạt động xã hội. Phụ nữ Hmông Hà Giang nói chung và ở Cán Tỷ nói riêng trong những năm qua đã được học tập tuyên truyền cuốn sách *Những điều cần cho sự sống* bằng chữ Hmông giúp phụ nữ tăng thêm hiểu biết về chương trình Dân số-Kế hoạch hoá gia đình, kiến thức về dinh dưỡng, môi trường, nuôi con, chăm sóc sức khoẻ bà mẹ, trẻ em...Hàng chục ngàn lượt phụ nữ được khám sức khoẻ và thực hiện các biện pháp tránh thai. Nhiều chị tham gia *Tổ phụ nữ không sinh con thứ ba* – một hoạt động rất có ý nghĩa đối với người Hmông, một tộc người còn có tỷ lệ sinh con đông nhất hiện nay do tập quán còn mang nặng tư tưởng “trọng nam” và sinh con để có lao động...Hội phụ nữ phối hợp với các ngành hữu quan tuyên truyền giáo dục cho phụ nữ Hmông và các tộc người trong tỉnh về các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước như Nghị định 87/CP, Chỉ thị 814 /TTg cũng như các nội dung về chống tệ nạn xã hội, đặc biệt chú trọng các xã có đầu mối giao lưu kinh tế, văn hoá, xã hội với vùng biên giới.

Tuy nhiên có thể thấy công tác cán bộ nữ người Hmông còn yếu, gặp nhiều khó khăn trong tạo nguồn, hiệu quả thấp. Đó là tỷ lệ phát triển Đảng thấp, trình độ chính trị còn nhiều hạn chế, số lượng thấp...Số liệu tình hình cán bộ nữ trong tỉnh sau đây cho ta suy ngẫm một tỷ lệ càng khiêm tốn hơn đối với cán bộ nữ Hmông. Số cán bộ nữ tham gia *Hội đồng nhân dân* các cấp, nhiệm kỳ 1994-1999 cấp tỉnh có 16 chị (34,78%), cấp huyện thị 54 chị (19,49%), cấp cơ sở 485 chị (13,08%). Số phụ nữ tham gia công tác *chính quyền* cấp tỉnh không có, cấp huyện 1 chị (Phó Chủ tịch Ủy ban), 1 chị Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; cấp cơ sở 3 chị (Chủ tịch Ủy ban nhân dân), 14 chị (Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân). Số phụ nữ là *Trưởng, phó ban các ngành* cấp tỉnh 4 (trưởng ngành), 8 (phó ngành); cấp huyện thị 112 chị. Số phụ nữ tham gia *cấp uỷ* (1996-2001) cấp tỉnh 5 chị; cấp huyện 40 chị; cấp cơ sở 333 chị.

Phụ nữ Hmông ở Cán Tỷ tuổi kết hôn có nhiều tiến bộ, nữ từ 18 - 22 tuổi. Tuy nhiên số con sinh ra vẫn còn nhiều so với các tộc người khác: ít là 3 con, nhiều là 7 con. Đa số sinh con tại gia đình. Bệnh phổ biến của phụ nữ ở đây là *bướu cổ, sốt rét*...Cá biệt vẫn còn hiện tượng tảo hôn như xây dựng gia đình khi tuổi 14, 15 để có nhân lực lao động theo tập quán hay một quan niệm đã lỗi thời.

Trên địa bàn toàn tỉnh, nhìn chung trình độ học vấn của phụ nữ nói chung và phụ nữ Hmông nói riêng còn thấp. Theo thống kê gần đây, số người trong độ tuổi từ 16-35 bị mù chữ chiếm 42,1%. Riêng 6 huyện vùng cao tỷ lệ mù chữ cao hơn, chiếm hơn 77%; hơn 40% các cháu trong độ tuổi đi học chưa đến trường. Phụ nữ chiếm tỷ lệ mù chữ cao hơn, trên 50 %; riêng phụ nữ các huyện vùng cao mù chữ tỷ lệ chiếm tới 80%. Tỷ lệ trên là hệ quả của nguyên nhân thiếu thầy, thiếu cơ sở vật chất, kinh tế thấp kém và còn cả tư tưởng “khinh nữ” chỉ cho nam đi học còn con gái thì không cần học...Quan niệm đó đã làm cho tỷ lệ các em gái ở các cấp học rất thấp. Tuy nhiên trong những năm từ 1992-1997, tổ chức Hội Phụ nữ đã phối hợp với *bộ đội biên phòng*, với ngành *giáo dục* tổ chức được 112 lớp xoá mù cho 2.576 phụ nữ trong độ tuổi ở các xã biên giới và vận động được 786 em gái trong độ tuổi đến trường. Bên cạnh đó hội Phụ nữ còn phối hợp với ngành *Nông nghiệp và phát triển*

nông thôn mở được 92 lớp huấn luyện cho 1.380 cán bộ quản lý; mở lớp chuyển giao kỹ thuật cho 200.000 lượt phụ nữ giúp họ nâng cao trình độ kỹ thuật về trồng trọt chăn nuôi; mở lớp cung cấp kiến thức về các lĩnh vực: *Luật đất đai, Luật hôn nhân và gia đình, Luật chăm sóc bảo vệ Bà mẹ trẻ em, Luật phổ cập giáo dục tiểu học...* cũng như quán triệt nhiều chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. Mặt khác phụ nữ các vùng sâu, vùng xa đời sống còn quá khó khăn, từ 2 giờ sáng phụ nữ đã phải dậy xay *mền mén* lo bữa ăn cho gia đình, chuẩn bị đi làm nương, lấy cỏ cho bò, dê, lấy nước, lấy rau lợn...nên thực sự chị em ít có thời gian nghỉ ngơi và tiếp xúc với các phương tiện thông tin đại chúng. Các giá trị văn hoá cổ truyền như nghề dệt được phụ nữ bảo tồn tốt (100% biết dệt, thêu), nhiều phụ nữ biết thổi khèn lá, đàn môi; tỷ lệ phụ nữ biết múa hát các làn điệu dân ca của cộng đồng tộc người còn tương đối tốt (80%)...

Tóm lại từ thực tiễn trên đây chúng ta có thể thấy thực trạng hiện nay đối với phụ nữ Hmông phản ánh nhiều vấn đề có những đặc thù riêng khác các tộc người khác như Thái, Tày, Nùng...Phụ nữ Hmông và cộng đồng có địa bàn cư trú đặc thù vùng cao, xa xôi, môi trường phát triển kinh tế có nhiều khó khăn, thách thức, do vậy đời sống còn gặp nhiều khó khăn hơn các tộc người khác. Mặt khác do cộng đồng còn tồn tại những quan niệm về tư tưởng đong con, về "trọng nam" nên cũng là một lý do xã hội tác động không nhỏ đến sự vươn lên của phụ nữ Hmông. Sự tác động của các chủ trương chính sách kinh tế, xã hội, văn hoá...tác động tới nhận thức của phụ nữ và cộng đồng còn ở mức độ khiêm tốn, do vậy nhịp độ phát triển còn chậm trên nhiều phương diện. Trước nhu cầu phát triển của đất nước, địa phương thực trạng trên đây là câu hỏi đặt ra để tìm giải pháp cho sự phát triển của phụ nữ Hmông trong việc hoà nhập vào sự phát triển chung của phụ nữ cả nước, phát triển bản thân, đóng góp có hiệu quả vào sự phát triển kinh tế, văn hóa- xã hội của gia đình, địa phương và quốc gia.

II. Một vài đề xuất giải pháp chính sách phát triển phụ nữ Hmông

Vấn đề quản lý Nhà nước đối với sự phát triển của phụ nữ Dân tộc miền núi nói chung và phụ nữ Hmông là hệ thống các vấn đề mục tiêu, nội dung cần quan tâm. Một trong những nội dung quan trọng trong quản lý Nhà nước đối với sự phát triển của phụ nữ nói chung và phụ nữ Hmông nói riêng là từ thực tiễn kết hợp với lý luận để đề ra chính sách tác động vào thực tiễn nhằm mang lại hiệu quả thực hiện mục tiêu đề ra. Từ thực tiễn khảo sát tình hình phụ nữ Hmông trên đây bước đầu chúng tôi đề xuất một vài giải pháp chính sách tạo điều kiện phát triển cho phụ nữ Hmông:

Nhìn chung lại mục tiêu mà chính sách phát triển phụ nữ Hmông cần hướng tới đó là:

- Tạo điều kiện cho phụ nữ Hmông *phát triển kinh tế gia đình* tạo nên những hoạt động kinh tế đưa lại thu nhập cao, nâng mức sống khỏi tình trạng thiếu đói, có mức sống đủ ăn và có dư để tạo ra tiền để vật chất cho các yếu tố phát triển khác. Đó là việc nâng tri thức và trình độ hoạt động kinh tế trong cơ chế thị trường, trong thời đại khoa học và công nghệ để hòa nhập vào mặt bằng phát triển chung của quốc gia.

- Tạo điều kiện cho phụ nữ Hmông *khắc phục tình trạng học vấn thấp* hiện nay, khắc phục tâm lý tự ty phần đầu vươn lên, đấu tranh với những tập quán lạc hậu, lỗi thời xây dựng gia đình có nếp sống mới, văn minh, khỏe mạnh.

- Chính sách phải tạo ra cơ sở, cơ chế pháp lý, môi trường xã hội từ trong gia đình, cộng đồng và xã hội quán triệt sâu sắc quan điểm giới trong các hoạt động xã hội tạo điều kiện để phụ nữ Hmông phát huy tối nhất khả năng của họ trong việc phát triển kinh tế-xã hội, giữ gìn, phát huy và làm giàu bản sắc văn hóa dân tộc trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Chính sách cần xác định mục tiêu kinh tế-xã hội cho từng giai đoạn cụ thể đối với từng khu vực, đối với các nhóm tộc người đặc biệt từ năm 2000 đến 2020. Nên có các mục tiêu từ nay đến năm 2005; đến 2010; đến 2015 và từ 2015 đến 2020. Linh hồn xuyên suốt các mốc, các giai đoạn phát triển đó là con người ngày càng được nâng cao về tri thức nghề nghiệp, tố chất trí tuệ và sức khỏe, hiệu quả lao động và thu nhập cao...

Đó là những mục tiêu cơ bản có giá trị và ý nghĩa tác động toàn diện tới các nội dung phát triển của phụ nữ Hmông mà chính sách cần hướng tới. Các mục tiêu trên là những định hướng cho các nội dung của chính sách. Các nội dung của chính sách là sự thể hiện cụ thể các quan điểm lý luận và tình hình thực tiễn của phụ nữ Dân tộc và Miền núi nói chung và phụ nữ Hmông nói riêng, tình hình đất nước, khu vực, tộc người trên các lĩnh vực cơ bản về kinh tế, xã hội nhằm và hướng tới một đối tượng, một chủ thể có vị trí, vai trò riêng trong tiến trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước từ nay đến năm 2020.

Vấn đề quản lý Nhà nước hay chính sách đối với sự phát triển của phụ nữ Hmông là một vấn đề liên quan đến phụ nữ khu vực Dân tộc và Miền núi. Đây là một vấn đề có tính đặc thù vì nó liên quan đến con người và là riêng cho một giới. Những vấn đề thực trạng trên đây của phụ nữ một tộc người là một cách tiếp cận thực tiễn nhằm tìm ra một giải pháp cho sự phát triển của một thành phần dân cư, một chủ thể chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội quan trọng. Những vấn đề nội dung của các chính sách kinh tế, xã hội trên đây mang tính chất gợi mở từ thực tiễn tình hình phụ nữ Hmông trên hai địa bàn thuộc hai tỉnh Sơn La và Hà Giang. Các nhà hoạch định chính sách, quyết định chính sách ở các cơ quan chức năng như Ủy ban Dân tộc và Miền núi, Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Bộ Tư pháp,... sẽ phối hợp với các ngành hữu quan để tổ chức nghiên cứu trình Quốc Hội, Chính Phủ quyết định các nội dung văn bản cụ thể. Đây là một loại chính sách mới dành cho một đối tượng xã hội đặc thù - phụ nữ Dân tộc và Miền núi nói chung mà phụ nữ Hmông là một thành tố trong một giai đoạn phát triển mới của đất nước. Đây cũng chính là một trong nội dung quan trọng của Quản lý nhà nước đối với một đối tượng xã hội nhưng lại có vai trò và tác động to lớn với vấn đề kinh tế, xã hội, văn hoá giáo dục, an ninh quốc phòng trên một địa bàn đặc thù - khu vực Dân tộc & Miền núi ở nước ta.